TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 21/2023/DS-PT
Ngày 27/7/2023
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Tạ Văn Vinh;

Các Thẩm phán: ông Đinh Huy Lưỡng và ông Nguyễn Tử Lượng.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Minh Hồng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà: bà Bùi Thị Thuý Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2023/TLPT-DS ngày 21 tháng 3 năm 2023 về việc "*tranh chấp về thừa kế tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 21/2023/QĐPT-DS ngày 19 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên toà số 20/2023/QĐPT-DS ngày 19 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Phạm Văn Đ1, sinh năm 1961; địa chỉ: thôn Q 2, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

2. Bị đơn: ông Phạm Văn Đ2, sinh năm 1968; địa chỉ: thôn Q 3, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phạm Văn C, sinh năm 1956; địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1958; địa chỉ: số nhà 13, đường V, phố T, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

- Ông Phạm Văn T2, sinh năm 1964; địa chỉ: thôn Q 2, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Bà Phạm Thị T, sinh năm 1965; địa chỉ: thôn Q 2, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Bà Phạm Thị L, sinh năm 1972; địa chỉ: thôn 1, xã Phú Long, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

4. Người kháng cáo: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông

Phạm Văn C.

Tại phiên toà có mặt: ông Phạm Văn Đ1, ông Phạm Văn T1, ông Phạm Văn Đ2, ông Phạm Văn C, ông Phạm Văn T2, bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là ông Phạm Văn Đ1 trình bày:

Bố mẹ ông là cụ Phạm Văn H và cụ Phạm Thị S, sinh được 06 người con gồm: Phạm Văn C, Phạm Văn T1, Phạm Văn Đ1, Phạm Văn T2, Phạm Văn Đ2, Phạm Thị L; bố mẹ ông không có con nuôi. Mẹ ông là cụ Phạm Thị S, chết năm 1994; bố ông là cụ Phạm Văn H chết năm 2019. Sau khi chết bố, mẹ ông để lại khối tài sản là quyền sử dụng diện tích 1.150m^2 đất *(360m^2 đất ở; 790m^2 đất vườn)*; tại tờ bản đồ số 01, số thửa 137 thôn Q 2, xã S, đã được cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bố ông là Phạm Văn H năm 1997. Trên đất có 02 căn nhà cấp bốn; 01 nhà 05 gian lợp ngói đỏ và ngói xi măng xây năm 1974; 01 nhà 03 gian lợp ngói đỏ xây năm 1992, ngoài ra còn có các cây ăn quả trên đất.

Năm 2010 cụ H cho ông mượn 2,5m đất chiều ngang, chiều sâu khoảng l0m để ông làm lán để máy tuốt lúa *(có giấy viết tay cho ông)*.

Theo bản di chúc năm 2016, bố ông - cụ Phạm Văn H lập bản di chúc và giấy ủy quyền về thừa kế tài sản cho em ông là Phạm Văn Đ2 toàn bộ diện tích đất 1.150m^2 theo bìa đỏ của cụ H cấp năm 1997 và trên đất có 02 căn nhà cấp bốn; 01 nhà 05 gian lợp ngói đỏ xi măng xây năm 1974; 01 nhà 03 gian lợp ngói đỏ xây năm 1992 và toàn bộ cây cối trên đất. Bản di chúc ngày 03/5/2016 của cụ Phạm Văn H và Biên bản họp gia đình về ủy quyền thừa kế đất đai - tài sản ngày 05/5/2016 ai là người viết bản di chúc và biên bản họp gia đình ủy quyền thừa kế đất đai - tài sản ngày 05/5/2016 ông không biết. Hiện nay khối di sản thừa kế của bố mẹ ông đã giao cho ông Phạm Văn Đ2 quản lý, trông coi bảo quản.

Ông đề nghị tuyên hủy bản di chúc ngày 03/5/2016 của cụ Phạm Văn H và Biên bản họp gia đình về ủy quyền thừa kế đất đai - tài sản ngày 05/5/2016. Phân chia khối di sản của cụ Phạm Văn H, cụ Phạm Thị S theo quy định của pháp luật. Đối với các cây ăn quả trên đất, ông đề nghị không định giá khi chia di sản *(chia nhà, đất*) cho ai thì cây cối trên đất thuộc quyền người đó và năm 2015 cụ H cho em ông là Phạm Văn T2 diện tích đất bao nhiêu mét ông không rõ, năm 2021 ông T đã xây dựng nhà mái bằng khoảng 100m^2 trên diện tích đất này để ở. Nếu Tòa án giải quyết phân chia tài sản thừa kế, ông T cũng được hưởng di sản vì vậy diện tích đất mà ông T thực tế sử dụng và đã xây dựng nhà, công trình trên đất bao nhiêu ông cũng nhất trí giao quyền sử dụng phần đất này cho ông T phần còn lại chia đều cho anh em, nguyện vọng ông xin được chia phần đất trống tiếp giáp với đất của nhà ông để ông tiện nhập thửa và sử dụng đất. Ông tự nguyện chịu toàn bộ chi phí

xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và không yêu cầu ông T phải thanh toán tiền chênh lệch trong việc phân chia di sản.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông Nguyễn Văn Đăng trình bày:

Ông xác định bố mẹ ông là cụ Phạm Văn H, cụ Phạm Thị S sinh được 06 người con đẻ và không có con nuôi như ông Đ trình bày, đến nay các cụ đã chết. Bố, mẹ ông chết để lại khối tài sản là diện tích đất 1.150m^2 *(360m^2 đất ở và 790m^2 đất vườn)*, tờ bản đồ số 01, số thửa 137 tại thôn Q 2, xã S đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Phạm Văn H năm 1997. Trên đất có 02 căn nhà cấp bốn; 01 nhà 05 gian lợp ngói đỏ xi măng xây năm 1974; 01 nhà 03 gian lợp ngói đỏ xây năm 1992, ngoài ra còn có một số cây ăn quả trên đất như ông Đ trình bày.

Năm 2010, cụ H cho ông Phạm Văn Đ1 mượn 2,5m đất chiều ngang, chiều sâu khoảng l0m làm lán để máy tuốt lúa hiện nay anh em đã lấy lại. Năm 2015, cụ H viết giấy tay tặng cho anh ông là Phạm Văn T2 diện tích đất chiều mặt hướng đông nam là 09 mét giáp danh nhà ông Vũ Văn D đến phần đất còn lại của cụ H chiều sâu hết đất đến nay ông T vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì đang có tranh chấp. Năm 2021, ông T đã xây dựng nhà mái bằng khoảng 100m^2 trên diện tích đất này để ở. Đến năm 2016, cụ H lập bản di chúc và giấy ủy quyền về thừa kế tài sản cho ông toàn bộ diện tích đất 1.150m^2 theo bìa đỏ của cụ H cấp năm 1997 và trên đất có 02 căn nhà cấp bốn; 01 nhà 05 gian lợp ngói đỏ xi măng xây năm 1974; 01 nhà 03 gian lợp ngói đỏ xây năm 1992 và toàn bộ cây cối trên đất.

Quan điểm của ông là năm 2016, cụ Phạm Văn H đã lập di chúc tặng cho ông toàn bộ khối tài sản là diện tích đất 1.150m^2 và 02 căn nhà cấp bốn như đã nêu ở trên nhưng thực tế, năm 2015 ông H đã viết giấy tặng cho ông Phạm Văn T2 09 mét giáp danh nhà ông Vũ Văn D đến phần đất còn lại của cụ H chiều sâu hết đất, nếu Tòa án giải quyết thì ông đề nghị phần đất mà bố ông đã cho ông T hiện nay ông T đã làm nhà ở thì để ông T được quyền sử dụng. Ông đề nghị Tòa án căn cứ vào giấy tặng cho tài sản là diện tích đất của cụ H năm 2015 và bản di chúc của cụ H ngày 05/5/2016 để giải quyết đảm bảo quyền lợi cho ông.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Phạm Văn C, ông Phạm Văn T2, bà Phạm Thị L cùng trình bày:

Ông Phạm Văn C, ông Phạm Văn T2, bà Phạm Thị L đều xác định bố mẹ các ông bà là cụ Phạm Văn H và cụ Phạm Thị S; các cụ sinh được 06 người con đẻ, các cụ không có con nuôi. Bố mẹ các ông, bà sau khi chết để lại khối tài sản như nguyên đơn, bị đơn trình bày.

Năm 2015, cụ H viết giấy tay cho ông Phạm Văn T2 diện tích đất chiều mặt hướng đông nam là 09 mét giáp danh nhà ông Vũ Văn D đến phần đất còn lại của

cụ H chiều sâu hết đất đến nay ông T vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì đất đang có tranh chấp. Năm 2021 ông T đã xây dựng nhà mái bằng khoảng 100m^2 trên diện tích đất này để ở. Năm 2016 cụ Phạm Văn H lập bản di chúc và giấy ủy quyền về thừa kế tài sản cho ông Phạm Văn Đ2 toàn bộ diện tích đất 1.150m^2 theo bìa đỏ của cụ Phạm Văn H cấp năm 1997 và trên đất có 02 căn nhà cấp bốn; 01 nhà 05 gian lợp ngói đỏ xi măng xây năm 1974; 01 nhà 03 gian lợp ngói đỏ xây năm 1992 và toàn bộ cây cối trên đất.

Quan điểm của các ông, bà là năm 2016 cụ Phạm Văn H đã lập di chúc tặng cho toàn bộ khối tài sản là diện tích đất 1.150m^2 và 02 căn nhà cấp bốn như đã nêu ở trên. Nhưng thực tế năm 2015 cụ H đã viết giấy tặng cho ông Phạm Văn T2 09 mét giáp danh nhà ông Vũ Văn D đến phần đất còn lại của cụ H chiều sâu hết đất, nếu Tòa án giải quyết thì các ông và bà L đề nghị phần đất mà cụ H đã cho ông T hiện nay ông T đã làm nhà ở thì để ông T được quyền sử dụng. Các ông, bà đề nghị Tòa án căn cứ vào giấy tặng cho tài sản là diện tích đất của cụ H năm 2015 và bản di chúc của cụ Phạm Văn H ngày 03/5/2016 để giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Phạm Văn T1 trình bày:

Bố mẹ ông là Phạm Văn H và bà Phạm Thị S, sinh được 06 người con gồm ông và ông Phạm Văn Đ1, ông Phạm Văn C, ông Phạm Văn T2, ông Phạm Văn Đ2, bà Phạm Thị L, bố mẹ ông không có con nuôi. Mẹ ông bà Phạm Thị S chết năm 1994, bố ông Phạm Văn H chết năm 2019. Bố mẹ ông chết đi để lại khối tài sản như nguyên đơn, bị đơn trình bày. Trên đất có 02 căn nhà cấp bốn, 01 nhà 05 gian lợp ngói đỏ xi măng xây năm 1974, 01 nhà 03 gian lợp ngói đỏ bố mẹ ông để lại làm nhà thờ và chia cho 3 người con Phạm Văn Đ2, Phạm Văn T2, Phạm Thị L, ông không nhất trí chia di sản của ông Phạm Văn Đ1.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 13/02/2023, Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình đã căn cứ vào Điều 5; khoản 5 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các Điều 219, 652, 653, 654, 656 Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 611, 612, 613, 616, 618, 623; khoản 1 Điều 650, các Điều 651, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 35 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 166, 167 Luật đất đai năm 2013; các Điều 6, 24, 26, điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Đ1.

2. Tuyên bố di chúc của cụ Phạm Văn H ngày 05/5/2016 là bất hợp pháp.

3. Phân chia di sản:

Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự và chia cho ông Phạm Văn T2 được quyền sử dụng diện tích đất 248,9m^2 *(60m^2 đất ở và 188,9m^2 đất vườn)* tại thửa số

137, tờ bản đồ số 1 Bản đồ địa chính xã S cụ thể vị trí thửa đất như sau: phía nam giáp đường đi rộng 9m, phía bắc giáp đường đi rộng 9m; phía đông giáp đất nhà ông D kích thước lần lượt là 20m và 7,10m; phía tây giáp phần đất chia cho ông Phạm Văn Đ2 dài 27,7m *(trị giá là 33.880.000 đồng)*.

Thanh toán tiền công sức trông coi, quản lý di sản; chia di sản và ghi nhận sự tự nguyện của các ông T1, ông Đ, ông Chí và bà L ông Phạm Văn Đ2 được quyền sử dụng diện tích đất 300m^2 đất ở và đất vườn là 491,3m^2 tại thửa số 137, tờ bản đồ số 1 Bản đồ địa chính xã S cụ thể vị trí thửa đất như sau: phía nam giáp đường đi rộng 31,33m; phía bắc giáp đường đi rộng 30,16m; phía đông giáp phần đất chia cho ông T dài 27,7m; phía tây giáp phần đất chia cho ông Đ kích thước dài lần lượt là 13,44m và 14,06m *(có sơ đồ kèm theo)* và sở hữu 02 căn nhà cấp bốn, 01 nhà 05 gian lợp ngói đỏ xi măng xây năm 1974, 01 nhà 03 gian lợp ngói đỏ và cây cối trên đất *(trị giá là 112.200.000 đồng)*.

Tạm giao cho ông Phạm Văn Đ2 quản lý, sử dụng diện tích đất vườn tăng thêm là 63m^2 *(trong cùng thửa đất chia cho ông Đăng)*.

Chia cho ông Phạm Văn Đ1 được quyền sử dụng diện tích đất vườn 109,8m^2 tại thửa số 137, tờ bản đồ số 1 Bản đồ địa chính xã S cụ thể vị trí thửa đất như sau: phía nam giáp đường đi rộng 4m; phía Bắc giáp đường đi rộng 4m, phía đông giáp phần đất chia cho ông Đăng kích thước dài lần lượt là 13,44m và 14,06m, phía tây giáp thửa đất nhà ông Đ kích thước dài lần lượt là 14,3m và 13,44m, trị giá di sản là 12.078.000 đồng *(có sơ đồ kèm theo)*.

Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự về việc ông Phạm Văn T2 không phải thanh toán tiền chênh lệch về trị giá di sản được chia.

Buộc ông Phạm Văn Đ2 phải thanh toán cho ông Phạm Văn Đ1 8.833.000 đồng tiền chênh lệch về phân chia di sản.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 23/02/2023, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Phạm Văn C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 13/02/2023 của Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình với lý do: phần quyết định của bản án đã phân chia di sản của bố mẹ ông là 1.150m^2 đất trái với di nguyện của bố ông vì bản di chúc và biên bản họp gia đình về việc thừa kế tài sản năm 2016 của cụ Phạm Văn H đã tặng cho khối tài sản này cho ông Phạm Văn Đ2 được quyền sở hữu và sử dụng nên ông không nhất trí với phần quyết định của bản án của Tòa án nhân dân huyện N. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm: hủy bản án sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 13/02/2023 của Toà án nhân dân huyện N. Công nhận bản di chúc ngày 03/5/2016 và biên bản họp gia đình về việc thừa kế tài sản ngày 05/5/2016 của cụ Phạm Văn H có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên toà phúc thẩm, ông Phạm Văn C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm cũng như tại phiên toà phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn C, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 13/02/2023 của Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình. Ông Phạm Văn C là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông Phạm Văn C được làm trong thời hạn pháp luật quy định và đúng hình thức, nội dung theo quy định tại các Điều 272, 273, 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Phạm Văn C nhận thấy:

[2.1] Cụ Phạm Thị S chết năm 1994, cụ Phạm Văn H chết năm 2019; các Cụ sinh được 06 người con gồm: các ông Phạm Văn C, Phạm Văn T1, Phạm Văn Đ1, Phạm Văn T2, Phạm Văn Đ2 và bà Phạm Thị L; các cụ không có con nuôi. Sau khi chết các Cụ để lại khối tài sản là quyền sử dụng diện tích 1.150m^2 đất *(360m^2 đất ở; 790m^2 đất vườn)* tại tờ bản đồ số 01, thửa 137, thôn Q 2, xã S; năm 1997 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ Phạm Văn H. Trên đất có 02 căn nhà cấp bốn *(01 nhà 05 gian lợp ngói đỏ và ngói xi măng xây năm 1974; 01 nhà 03 gian lợp ngói đỏ xây năm 1992)* và các cây ăn quả trên đất. Năm 2010, cụ Phạm Văn H cho ông Phạm Văn Đ1 mượn 2,5m đất chiều ngang, chiều sâu khoảng l0m làm lán để máy tuốt lúa *(có giấy viết tay)*.

[2.2] Ngày 03/5/2016, cụ Phạm Văn H lập di chúc với nội dung: *"giao toàn bộ đất nhà ở và bìa đỏ cho Phạm Văn Đ2 là con trai thứ năm của tôi"*. Ngày 05/5/2016, cụ Phạm Văn H cùng 5/6 người con họp gia đình và lập *"Biên bản họp gia đình về uỷ quyền thừa kế đất đai - tài sản"* với nội dung: *"ông Phạm Văn H chủ sở hữu đất đai nhà cửa gồm về đất tờ bản đồ số 1, thửa số 137, diện tích 1.150m^2 thời hạn sử dụng lâu dài gồm có đất ở 360m^2, đất vườn 790m^2. Về tài sản gồm 5 gian nhà cấp 4 và 3 gian nhà cấp 4. Số tài sản đất và nhà ở tôi ủy quyền thừa kế cho con trai út là Phạm Văn Đ2 và anh Đăng có trách nhiệm phụng dưỡng, chăm sóc tôi đến khi về già"*.

[2.3] Di chúc ngày 03/5/2016 và Biên bản họp gia đình về uỷ quyền thừa kế đất đai - tài sản ngày 05/5/2016 đều có nội dung giống nhau là cụ Phạm Văn H di

chúc cho ông Phạm Văn Đ2 được thừa kế toàn bộ tài sản của các cụ để lại. Cả hai văn bản này cụ Phạm Văn H đều không tự mình viết mà nhờ người khác viết hộ, có người làm chứng, hai văn bản đều có 02 trang nhưng mỗi trang không được đánh số thứ tự và không có chữ ký của cụ Phạm Văn H vào trang thứ nhất. Những người làm chứng chỉ ký tên mà không xác nhận chữ ký của cụ Phạm Văn H nên hai văn bản nêu trên của cụ Phạm Văn H không đúng quy định tại khoản 2 Điều 653 và Điều 656 Bộ luật Dân sự năm 2005. Mặt khác theo quy định tại khoản 3 Điều 662 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì trong trường hợp người lập di chúc thay thế di chúc bằng di chúc mới thì di chúc trước bị hủy bỏ. Ngày 05/5/2016, cụ Phạm Văn H lập di chúc mới nên di chúc lập ngày 03/5/2016 bị hủy bỏ. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định di chúc của cụ Phạm Văn H không hợp pháp đồng thời chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Đ1 chia di sản thừa kế theo pháp luật là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà phúc thẩm, ông Phạm Văn C không giao nộp thêm tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn C.

[2.4] Bản án sơ thẩm đã xác định diện, hàng thừa kế và chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Phạm Văn H và cụ Phạm Thị S là đầy đủ và đúng quy định của pháp luật. Các tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện sau khi chết cụ Phạm Thị S và cụ Phạm Văn H để lại di sản là quyền sử dụng 1.150m^2 đất *(360m^2 đất ở và 790m^2 đất vườn)* tại tờ bản đồ số 01, thửa số 137, bản đồ địa chính xã S; địa chỉ thôn Q 2, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình; năm 1997 được Uỷ ban nhân dân huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H648705 mang tên cụ Phạm Văn H nhưng qua đo đạc và thẩm định tại chỗ thì diện tích thực tế tăng 63m^2 đất vườn. Tại biên bản làm việc ngày 13 tháng 6 năm 2023, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện N có ý kiến: *"nguyên nhân tăng 63m^2 đất vườn so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H648705 mang tên cụ Phạm Văn H là do quá trình đo đạc, diện tích này tăng lên vẫn nằm trong khuôn viên sử dụng của gia đình cụ Hủy vì các gia đình xung quanh sử dụng ổn định lâu dài không có tranh chấp, giáp ranh với các hộ ổn định, việc xác định diện tích 63m^2 đất vườn tăng ở vị trí cụ thể nào là không xác định được"*. Theo quy định tại khoản 5 Điều 98 Luật đất đai thì quyền sử dụng đất của các cụ được xác định theo số liệu đo đạc thực tế nên di sản thừa kế của cụ Phạm Thị S và cụ Phạm Văn H được xác định là quyền sử dụng 1.213m^2 đất *(360m^2 đất ở và 853m^2 đất vườn)* và 02 căn nhà cấp bốn *(01 nhà 05 gian lợp ngói đỏ và ngói xi măng, 01 nhà 03 gian lợp ngói đỏ)*. Tổng trị giá di sản là 173.030.000 đồng *(đất ở là 360m^2 x 220.000đồng/m^2 = 79.200.000 đồng; đất vườn là 853m^2 x 110.000đồng/m^2 = 93.830.000 đồng, tài sản trên đất 0 đồng)*.

[2.5] Do Toà án cấp sơ thẩm xác định chưa đúng tổng giá trị di sản thừa kế và giá trị mỗi kỷ phần thừa kế nên cần phải xác định và chia lại như sau:

Những người có quyền hưởng di sản của cụ Phạm Thị S và cụ Phạm Văn H thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm 06 người con là các ông Phạm Văn C, Phạm Văn T1, Phạm Văn Đ1, Phạm Văn T2, Phạm Văn Đ2 và bà Phạm Thị L. Thanh toán công sức trông coi, quản lý di sản cho ông Phạm Văn Đ2 từ khi cụ Sếu và cụ H mất đến nay tương ứng một kỷ phần thừa kế. Như vậy, di sản thừa kế của cụ Phạm Thị S và cụ Phạm Văn H được chia làm 7 kỷ phần, trong đó 6 kỷ phần chia cho 6 người con và 01 kỷ phần chia cho ông Phạm Văn Đ2 *(công sức trông coi, quản lý di sản)*. Mỗi kỷ phần thừa kế là 173,27m^2 đất trong đó có 51,42m^2 đất ở và 121,85m^2 đất vườn, có giá trị làm tròn là 24.718.000 đồng.

Quá trình xét xử sơ thẩm và tại phiên toà phúc thẩm các đương sự thỏa thuận chia cho ông Phạm Văn T2 diện tích đất ông Phạm Văn T2 đang sử dụng và đã làm nhà ở. Toà án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào hiện trạng các tài sản trên đất và đề nghị của các đương sự, ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự về phần diện tích đất được quyền sử dụng của ông Phạm Văn T2, Phạm Văn Đ2, chia cho ông Phạm Văn T2 được quyền sử dụng 248,9m^2 đất *(60m^2 đất ở và 188,9m^2 đất vườn)* trị giá là 33.979.000 đồng tại thửa số 137, tờ bản đồ số 1 Bản đồ địa chính xã S, vị trí như sau: phía nam giáp đường đi rộng 9m, phía bắc giáp đường đi rộng 9m; phía đông giáp đất nhà ông D kích thước lần lượt là 20m và 7,10m; phía tây giáp phần đất chia cho ông Phạm Văn Đ2 dài 27,7m.

Ghi nhận sự tự nguyện của các ông Phạm Văn C, Phạm Văn T1, Phạm Văn Đ1 và Phạm Thị L chia cho ông Phạm Văn Đ2 được quyền sử dụng 300m^2 đất ở và 554,3m^2 đất vườn tại thửa số 137, tờ bản đồ số 1 Bản đồ địa chính xã S, vị trí như sau: phía nam giáp đường đi rộng 31,33m; phía bắc giáp đường đi rộng 30,16m; phía đông giáp phần đất chia cho ông T dài 27,7m; phía tây giáp phần đất chia cho ông Đ kích thước dài lần lượt là 13,44m, 14,06m và sở hữu 02 căn nhà cấp bốn, 01 nhà 05 gian lợp ngói đỏ xi măng xây năm 1974, 01 nhà 03 gian lợp ngói đỏ xây năm 1992 và cây cối trên đất trị giá là 126.973.000 đồng.

Chia cho ông Phạm Văn Đ1 được quyền sử dụng 109,8m^2 đất vườn trị giá là 12.078.000 đồng tại thửa số 137, tờ bản đồ số 1 Bản đồ địa chính xã S, vị trí như sau: phía nam giáp đường đi rộng 4m; phía Bắc giáp đường đi rộng 4m, phía đông giáp phần đất chia cho ông Đăng kích thước dài lần lượt là 13,44m và 14,06m, phía tây giáp thửa đất nhà ông Đ kích thước dài lần lượt là 14,3m và 13,44m *(có sơ đồ kèm theo)*.

Ông Phạm Văn Đ2 phải thanh toán cho ông Phạm Văn Đ1 chênh lệch về trị giá di sản số tiền là 12.640.000 đồng.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: ghi nhận sự tự nguyện của ông Phạm Văn Đ1 chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Phạm Văn Đ1 là người cao tuổi, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30

tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Phạm Văn Đ1 thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự sơ thẩm nên miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Phạm Văn Đ1. Ông Phạm Văn Đ2 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm làm tròn là 5.717.000 đồng. Ông Phạm Văn T2 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm làm tròn là 1.699.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: kháng cáo của ông Phạm Văn C không được chấp nhận nhưng theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Phạm Văn C thuộc trường hợp được miễn nên ông Phạm Văn C không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, khoản 2 Điều 148, các Điều 157, 158 khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 653, 656, 662 Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 357, 468, 611, 612, 613, 616, 618, 623; khoản 1 Điều 650, Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 98 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26, điểm a khoản 7 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 13/02/2023 của Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình như sau:

1.1 Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Đ1.

1.2 Tuyên bố di chúc của cụ Phạm Văn H ngày 03/5/2016 và ngày 05/5/2016 là không hợp pháp.

1.3 Phân chia di sản thừa kế như sau:

- Chia cho ông Phạm Văn T2 được quyền sử dụng 248,9m^2 đất *(60m^2 đất ở và 188,9m^2 đất vườn)* tại thửa số 137, tờ bản đồ số 1 Bản đồ địa chính xã S, vị trí như sau: phía nam giáp đường đi rộng 9m, phía bắc giáp đường đi rộng 9m; phía đông giáp đất nhà ông D kích thước lần lượt là 20m và 7,10m; phía tây giáp phần đất chia cho ông Phạm Văn Đ2 dài 27,7m.

- Chia cho ông Phạm Văn Đ1 được quyền sử dụng 109,8m^2 đất vườn, tại thửa số 137, tờ bản đồ số 1 Bản đồ địa chính xã S, vị trí như sau: phía nam giáp đường đi rộng 4m; phía Bắc giáp đường đi rộng 4m, phía đông giáp phần đất chia cho ông Đăng kích thước dài lần lượt là 13,44m và 14,06m, phía tây giáp thửa đất nhà ông Đ kích thước dài lần lượt là 14,3m và 13,44m.

- Chia cho ông Phạm Văn Đ2 được quyền sử dụng 300m^2 đất ở và 554,3m^2 đất vườn tại thửa số 137, tờ bản đồ số 1 Bản đồ địa chính xã S, vị trí như sau: phía nam giáp đường đi rộng 31,33m; phía bắc giáp đường đi rộng 30,16m; phía đông giáp phần đất chia cho ông T dài 27,7m; phía tây giáp phần đất chia cho ông Đ kích thước dài lần lượt là 13,44m, 14,06m *(có sơ đồ kèm theo)* và sở hữu 02 căn nhà cấp bốn *(01 nhà 05 gian lợp ngói đỏ xi măng xây năm 1974, 01 nhà 03 gian lợp ngói đỏ xây năm 1992)* cùng cây cối trên đất.

- Ông Phạm Văn Đ2 phải thanh toán cho ông Phạm Văn Đ1 chênh lệch về trị giá di sản số tiền là 12.640.000 đồng.

- Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành hết số tiền phải thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phạm Văn Đ1 về việc ông chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Phạm Văn Đ1. Ông Phạm Văn Đ2 phải nộp 5.717.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Phạm Văn T2 phải nộp 1.699.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Phạm Văn C.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TANDCC tại Hà Nội;
- TAND huyện N;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Chi cục THADS huyện N;
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Tạ Văn Vinh